

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

MỤC 1. XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT

1.1. Tên sản phẩm

- Tên sản phẩm : MATCH 050 EC
- Mã thiết kế : A7814K

1.2. Sử dụng có liên quan xác định các chất hoặc hỗn hợp và sử dụng nên chống lại

Công dụng : Thuốc trừ sâu

1.3. Thông tin chi tiết của nhà cung cấp về bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty Syngenta Thụy Sĩ
Postfach, CH-4002 Basel, Thụy Sĩ

Điện thoại : +41 61 323 11 11

Telefax : +41 61 323 12 12

Địa chỉ E-mail : sds.ch @ syngenta.com

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Điện thoại khẩn cấp số: +44 1484 538444

MỤC 2. XÁC ĐỊNH MỐI NGUY

2.1. Phân loại các chất hoặc hỗn hợp

- Phân loại theo Quy chế (EU) 1272/2008

Chất lỏng dễ cháy	Loại 2	H226
Dị ứng da	Loại 2	H315
Tổn thương mắt nghiêm trọng	Loại 1	H318
Kích ứng da	Loại 1	H317
Độc hại khi hít	Loại 1	H304
Mục tiêu cụ thể cơ quan độc tính tiếp xúc lặp đi lặp lại	Loại 3	H336
Thủy sản nhiễm độc cấp tính	Loại 1	H401
Thủy sản nhiễm độc mãn tính	Loại 1	H410

Đối với các văn bản đầy đủ của loại “H” nêu tại mục này, xem Mục 16.

- Phân loại theo Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

Xn, có hại

N, nguy hiểm cho môi trường

R10: dễ cháy

R38: dị ứng cho da

R41: nguy cơ gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt

R43: có thể gây ra kích ứng cho da

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

R50/53 Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác dụng phụ lâu dài trong môi trường nước.

R65: có hại, gây tổn thương cho phổi nếu nuốt phải

R67: Hơi thuốc có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt

2.2. Yếu tố qui định về nhãn

- Ghi nhãn: Quy định (EC) số 1272/2008

Biểu tượng cảnh báo



Tín hiệu : Cảnh báo

- | | | |
|------------------------|---|---|
| Cảnh báo mối nguy hiểm | : | H226 chất lỏng dễ cháy và bay hơi
H315 nguyên nhân gây dị ứng da
H318 nguyên nhân gây tổn thương mắt nghiêm trọng
H317 có thể gây ra phản ứng kích ứng da
H304 có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp
H336 có thể gây ra buồn ngủ hoặc chóng mặt
H410 rất độc với đời sống thủy sinh với cái hiệu ứng lâu dài |
| Cảnh báo đề phòng | : | P102 để xa tầm tay trẻ em
P210 để xa nơi nóng bức
P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.
P280 Mang găng tay bảo vệ, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, mặt nạ bảo hộ.
P301+310 NẾU NUỐT PHẢI: ngay lập tức gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.
P302+352 NẾU DÍNH VÀO DA: rửa nhiều lần với xà bông và nước.
P305+P351+P338: NẾU DÍNH VÀO MẮT: Lập tức rửa mắt bị dính thuốc bằng thật nhiều nước sạch, ngay cả bên dưới mí mắt ít nhất trong 15 phút. Loại bỏ kính sát trùng nếu có thể và tiếp tục rửa.
P331: không được gây nôn |

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

P391: thu dọn khi chảy tràn

P501: các thùng chứa chất thải được đưa tới nhà máy có chức năng xử lý chất thải.

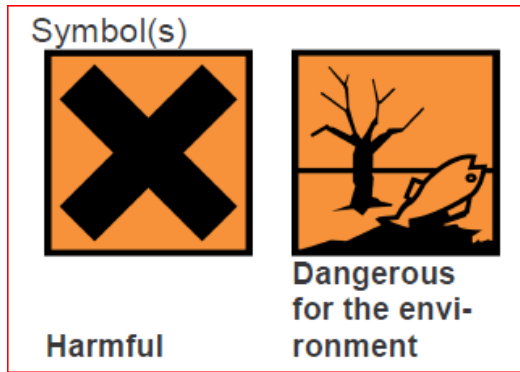
Bổ sung thông tin

EUH401 Để tránh rủi ro cho sức khỏe con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn sử dụng.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

- lufenuron
- dung môi dầu (dầu hỏa), nặng arom.
 - Ghi nhãn: Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

Biểu tượng:



Cụm từ R	R10	Dễ cháy.
	R38	kích ứng cho da
	R41	gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.
	R43	có thể gây ra dị ứng khi tiếp xúc với da
	R50/53	Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động bất lợi trong môi trường nước lâu dài.
	R65	có thể gây tổn hại cho phổi nếu nuốt phải
	R67	Hơi thuốc có thể gây ra buồn ngủ hoặc chóng mặt.
Cụm từ -S	S 2	Để xa tầm tay trẻ em.
	S13	Tránh xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho động vật.
	S20/21	Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng.
	S26	trong trường hợp dính vào mắt cần rửa sạch với thật nhiều nước và đến bác sĩ.
	S35	nguyên liệu và vật chất chứa nó cần phải được xử lý một cách an toàn.
	S36/37/39	Mặc quần áo bảo hộ, găng tay, kính bảo hộ và mặt nạ bảo hộ.

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

	S57	sử dụng vật chứa thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.
	S62	Nếu nuốt phải: không gây nôn, tìm tư vấn bác sĩ ngay lập tức và mang theo chai hoặc nhãn.
Thêm vào nhãn	:	Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn khi sử dụng.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

- lufenuron
- dung môi dầu (dầu hỏa), nặng arom.

2.3. Các mối nguy hiểm khác: chưa biết**MỤC 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CẤU TẠO**

Hỗn hợp

Thành phần nguy hại:

Tên hóa học	CAS-No. EC-No. Số đăng ký	Phân Loại (67/548/EEC)	Phân Loại (QUY ĐỊNH (EC) SỐ 1272/2008)	Độ đậm đặc
lufenuron	103055-07-8	N, Xi R43 R50/53	Kích ứng da.1; H317 Cấp tính.1; H400 Mãn tính.1; H410	5% W/W

Giới hạn phơi nhiễm hóa chất ở nơi làm việc

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - R nêu tại mục này, xem Mục 16.

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - H nêu tại mục này, xem Mục 16.

MỤC 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu**

- Lời khuyên chung : Đem theo bao bì chứa sản phẩm, nhãn hoặc tờ thông tin an toàn sản phẩm khi bạn gọi đến số điện thoại khẩn cấp của Syngenta, trung tâm kiểm soát ngộ độc hoặc đến chữa trị.
- Hít phải : Mang người bị nạn đặt ở nơi thoáng khí. Nếu khó thở hoặc ngưng thở thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Giữ ấm cho nạn nhân và nghỉ ngơi. Lập tức gọi bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát ngộ độc
- Tiếp xúc với da : Cởi bỏ áo quần bị dính thuốc ngay lập tức. Rửa chỗ bị dính thuốc bằng nhiều nước sạch. Nếu da bị sưng tấy, rát, gọi cho bác sĩ. Giặt áo quần bị dính thuốc thật sạch trước khi dùng lại.

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

Tiếp xúc với mắt	:	Lập tức rửa mắt bị dính thuốc bằng thật nhiều nước sạch, ngay cả bên dưới mí mắt ít nhất trong 15 phút. Loại bỏ kính sát trùng. Chữa trị y khoa ngay khi có yêu cầu
Nuốt phải	:	không gây nôn, tìm tư vấn bác sĩ ngay lập tức và mang theo chai hoặc nhãn.

4.2. Các triệu chứng và những ảnh hưởng quan trọng nhất cả cấp tính và lâu dài

Triệu chứng : hít vào có thể gây ra phù phổi và viêm phổi

4.3. Chỉ định y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Tư vấn y tế : không có cách chữa trị cụ thể
Điều trị theo triệu chứng.

MỤC 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Phương tiện chữa cháy

- Đối với đám cháy nhỏ: Sử dụng bình phun nước, bột chống cồn, hóa chất khô hoặc khí CO₂.
- Đối với đám cháy lớn: Sử dụng xốp chống cồn hoặc Phun nước

5.2 Phương tiện chữa cháy không được sử dụng vì lý do an toàn

- Không dùng vòi nước xịt trực tiếp vào đám cháy để tránh làm phát tán và gây cháy lan.

5.3 Đặc biệt nguy hiểm phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp

Do thuốc bao gồm thành phần hữu cơ dễ cháy, đám cháy sinh ra khói đen chứa hơi độc (xem mục 10).

Tiếp xúc với các sản phẩm bị phân hủy này có thể nguy hại đến sức khỏe

5.4 Tư vấn cho nhân viên cứu hỏa

Mang đầy đủ quần áo bảo hộ kín và dụng cụ thở.

Không được chạy ra từ đám cháy và nhảy xuống ruộng hoặc dòng nước.

Làm mát các thùng chứa đầy kín tiếp xúc với đám cháy bằng nước phun sương.

MỤC 6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

Giữ cho mọi người tránh xa nơi đầu hướng gió của vụ tràn/rò rỉ.

Cẩn thận sự tích tụ của hơi độc để tạo thành nồng độ gây nổ. Hơi độc có thể tích lũy ở các khu vực thấp.

Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa.

Chú ý đến flashback.

6.2. Ngăn ngừa về môi trường

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

 Ngăn ngừa trước sự rò rỉ hoặc đổ thuốc.

Không đổ thuốc vào hệ thống nước mặt hoặc cống rãnh

6.3. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Ngăn chặn sự đổ thuốc và thu gom bằng vật liệu thấm hút không cháy (cát, đất, đất sét, đất khoáng) và cho vào thùng chứa để hủy theo quy định (xem mục 13).

Nếu thuốc bị chảy ra sông, hồ hoặc ruộng nước phải thông báo với chính quyền sở tại.

6.4. Tham khảo các phần khác

Tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê ở phần 7 và 8.

Tham khảo để xem xét xử lý được liệt kê trong phần 13.

MỤC 7. THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ**7.1 Phòng ngừa để xử lý an toàn**

Không có biện pháp bảo vệ dành riêng cho yêu cầu về chống cháy

Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc.

Để bảo vệ cá nhân, xem mục 8.

7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm các điều kiện không tương thích

Không có điều kiện bảo quản đặc biệt.

Giữ các thùng chứa đầy kín ở một nơi khô ráo, mát, thông thoáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Giữ xa nguồn thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho gia súc.

Tính chất vật lý và hóa học ổn định cho ít nhất 2 năm khi được lưu trữ trong tình trạng đóng gói nguyên vẹn ở nhiệt độ môi trường.

MỤC 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1 Kiểm soát các thông số**

Thành phần	Giới hạn phơi nhiễm	Loại giới hạn phơi nhiễm	Nguồn
paraquat	0,08 mg/m ³	8 h TWA	UK HSE
dichloride	5 mg/m ³	8 h TWA	ACGIH

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp kỹ thuật : Việc ngăn chặn và/hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ được sự phơi nhiễm. Việc kéo dài

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013



	những biện pháp bảo vệ này phụ thuộc vào mỗi nguy thực sự trong quá trình sử dụng. Nếu sương hoặc hơi thuốc bay ra, dùng biện pháp kiểm soát thông hơi, hút khí.
	Đánh giá sự phơi nhiễm và sử dụng bất cứ biện pháp phụ trợ nào để giữ mức hơi sương dưới mức phơi nhiễm tương ứng. Khi cần thiết, tìm thêm thông tin về bảo vệ vệ sinh nghề nghiệp
Biện pháp bảo vệ	: Việc dùng các biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn so với việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Khi lựa chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân, nên tìm lời khuyên chuyên nghiệp phù hợp. Phương tiện bảo vệ cá nhân nên được xác nhận theo tiêu chuẩn phù hợp
Bảo vệ cơ quan hô hấp	: Một sự kết hợp của các mặt nạ phòng độc sử dụng cho khí, hơi và hạt hóa chất có thể là cần thiết cho đến khi các biện pháp kỹ thuật hiệu quả được thực hiện. Mặt nạ bảo hộ làm sạch không khí bị hạn chế. Sử dụng máy hô hấp khép kín trong các trường hợp sự cố tràn khẩn cấp, khi mức độ phơi nhiễm là không rõ, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào mà mặt nạ lọc khí không có thể cung cấp sự bảo vệ đầy đủ.
Bảo vệ tay	: Nên sử dụng găng tay chống hoá chất. Chọn găng tay dựa vào yêu cầu công việc cơ học. Găng tay nên được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn. Găng tay nên có thời gian thử nghiệm tối thiểu để phù hợp với sự tiếp xúc lâu dài. Thời gian sử dụng của găng tay thay đổi tùy theo độ dày, vật liệu và nhà sản xuất. Găng tay nên được bỏ đi và thay thế nếu có bất kỳ dấu hiệu của hóa chất ngấm vào. Chất liệu phù hợp. Cao su Nitrile.
Bảo vệ mắt	: khi sử dụng hóa chất để an toàn cho mắt nên đeo kính bảo hộ.
Bảo vệ da và cơ thể	: Đánh giá độ phơi sáng và chọn quần áo chống hóa chất dựa trên khả năng tiếp xúc và các đặc tính thấm thấu/ xâm nhập của vật liệu quần áo. Rửa bằng xà phòng và nước sau khi thay quần áo bảo hộ. Khử nhiễm quần áo trước khi sử dụng lại hoặc sử dụng các thiết bị dùng một lần (bộ quần áo, tạp dề, tay áo, giày ủng...) Mặc phù hợp: không thấm nước bảo vệ bộ đồ.

MỤC 9. TÍNH CHẤT HOÁ LÝ

9.1. Thông tin về đặc tính vật lý và hóa học cơ bản

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

Dạng	:	chất lỏng
Màu sắc	:	màu xanh lá sậm
pH	:	6,5-7,5
Tính oxy hóa	:	không oxy hóa
Tính nổ	:	Không nổ
Tỷ trọng	:	1,084 g/cm ³
Độ tan trong các dung môi khác	:	tan trong nước

MỤC 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG**Vật liệu nên tránh:** Nhôm, thép, sắt.**Sản phẩm phân hủy độc hại:** quá trình đốt cháy hoặc phân hủy bằng nhiệt sẽ tạo ra khí độc và dị ứng.**Phản ứng nguy hại:** Ăn mòn khi tiếp xúc với kim loại**PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI****11.1. Thông tin về tác dụng độc tính**

Độc cấp tính qua đường miệng	:	LD50 chuột đực, 707 mg/kg LD50 chuột cái, 612mg/kg Các dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần tương tự GHS-phân loại Loại 4
Độc cấp tính qua đường hô hấp	:	gây dị ứng cho đường hô hấp Chảy máu mũi và đau cổ họng là kết quả của hơi và bụi lưu lại trong niêm mạc mũi. GHS-phân loại Loại 3
Nhiễm độc cấp tính qua da	:	LD50 chuột đực là 590 mg/kg LD50 chuột cái là 735mg/kg Các dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần tương tự GHS-phân loại Loại 3
Ăn mòn da/dị ứng	:	thô: gây kích ứng nặng

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013



	<p>Các dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần tương tự</p> <p>GHS-phân loại</p> <p>Loại 2</p>
Dị ứng mắt	<p>: Thở: kích ứng nhẹ</p> <p>Các dữ liệu độc tính được lấy từ các sản phẩm có thành phần tương tự</p> <p>GHS-phân loại</p> <p>Loại 1</p>
Hô hấp hoặc da nhạy cảm	<p>: Chuột lang: không kích ứng da trong các thử nghiệm trên động vật.</p> <p>GHS-phân loại</p> <p>Không có</p>
Độc hại lâu dài/ paraquat dichloride	<p>: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư, dị tật hoặc đột biến trong các thí nghiệm động vật.</p> <p>Tác động đến mắt (gây đục thủy tinh thể) đã được báo cáo sau thời gian dài tiếp xúc với miệng của động vật trong phòng thí nghiệm.</p>

MỤC 12. THÔNG TIN SINH THÁI

12.1. Sự tồn tại và phân hủy

Ổn định trong nước

paraquat dichloride : Nửa chu kì phân hủy là: >30 ngày
paraquat dichloride ổn định trong nước

Ổn định trong đất

paraquat dichloride : Nửa chu kì phân hủy là: ca.20y
paraquat dichloride bền trong đất.

12.2. Tính di động trong đất

paraquat dichloride : paraquat dichloride không di động trong đất.

12.3. Sự tích tụ sinh học

paraquat dichloride : không tích lũy sinh học

12.4. Độc tính

Độc tính đối với cá : LC50 *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi), 8,3 mg/l trong 96h.
Dựa trên kết quả thử nghiệm thu được với các sản phẩm tương tự
GHS-phân loại

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013



	Loại 2
Độc tính đối với động vật thủy sinh	: EC50 Daphnia magna (bọ nước), 6 mg / l, 24 h Dựa trên kết quả thử nghiệm thu được với các sản phẩm tương tự GHS-phân loại
	Loại 2
Độc tính đối với loài tảo	: EbC50 Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục) 0,11mg/l, 72h. ErC50 Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục) 0,34mg/l, 72h. Dựa trên kết quả thử nghiệm thu được với các sản phẩm tương tự GHS-phân loại
	Loại 1

MỤC 13. PHÂN HỦY

Phương pháp xử lý chất thải

Sản phẩm	: Không gây ô nhiễm ao hồ, sông ngòi, mương với hóa chất hoặc vật chứa đã sử dụng. Không bỏ chất thải vào cống rãnh. Ưu tiên tái chế nếu có thể hơn là đem hủy hoặc đốt. Nếu không thể tái chế thì xử lý theo quy định của địa phương.
Bao bì bị ô nhiễm	: Làm sạch thuốc còn lại trong bao bì. Rửa ba lần đối với vật chứa. Vật chứa nên được đưa đến những nơi có chức năng tái chế hoặc xử lý chất thải. Không tái sử dụng vật chứa được làm sạch.

MỤC 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Vận tải đường bộ (ADR / RID)

14.1. Số UN	: UN 2922
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	: CHẤT LỎNG ĂN MÒN, ĐỘC, N.O.S (paraquat dichloride)

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	: 8
14.4. Nhóm đóng gói	: III
Nhãn	: 8, 6.1
14.5. Tác động môi trường	: độc hại môi trường

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1. SỐ UN	: UN 2922
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	: CHẤT LỎNG ĂN MÒN, ĐỘC, N.O.S (paraquat dichloride)
14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	: 8
14.4. Nhóm đóng gói	: III
Nhãn	: 8, 6.1
14.5. Tác động môi trường	: gây ô nhiễm biển

Vận tải hàng không (IATA DGR)

14.1. SỐ UN	: UN 2922
14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất	: CHẤT LỎNG ĂN MÒN, ĐỘC, N.O.S (paraquat dichloride)
14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es)	: 8
14.4. Nhóm đóng gói	: III
Nhãn	: 8, 6.1

MỤC 15. THÔNG TIN PHÁP LÝ**Dán nhãn theo quy định của EC**

Các thành phần độc hại phải được liệt kê trên nhãn:

- paraquat dichloride

Ký hiệu (s)	:T+	rất độc
	N	Độc hại cho môi trường.
Cụm từ R	R21/22	Có hại khi tiếp xúc với da và hít phải.
	R26	Rất độc khi hít phải
	R36/37/38	Nhạy cảm với mắt, hệ hô hấp và da
	R48/25 độc	Nguy cơ tổn hại nghiêm trọng cho sức khỏe phơi nhiễm kéo dài nếu nuốt phải.

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013



	R50/53	Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động bất lợi trong môi trường nước lâu dài.
Cụm từ -S	S 2	Đề xa tầm tay trẻ em.
	S13	Tránh xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho động vật.
	S20/21	Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng.
	S35	nguyên liệu và vật chất chứa nó cần phải được xử lý một cách an toàn.
	S36/37	Mặc quần áo và đeo găng tay bảo hộ
	S45	trong trường hợp xảy ra tai nạn, nếu bạn thấy không khỏe tìm đến tư vấn y tế ngay lập tức (mang theo nhãn sản phẩm nếu có)
	S57	sử dụng vật chứa thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Ghi chú

Sản phẩm được phân loại và dán nhãn theo hướng dẫn 1999/45/EC

Dán nhãn đặc biệt
hướng dẫn khi sử dụng.

: Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, thực hiện theo các

Nhãn GHS



Tín hiệu từ	: Cảnh báo	
Cảnh báo mối nguy hiểm	: H290	có thể ăn mòn kim loại
	H302	hại nếu nuốt phải
	H311	độc khi tiếp xúc với da.
	H315	nguyên nhân gây kích ứng da
	H318	gây kích ứng mắt nghiêm trọng
	H330	gây tử vong nếu hít vào
	H335	gây kích ứng cho đường hô hấp
	H372	Nguyên nhân gây tổn thương các bộ phận thông qua việc tiếp xúc lặp đi lặp lại.
	H410	Rất độc cho đời sống thủy sinh với các ảnh hưởng lâu dài.

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

Cảnh báo đề phòng	: P102 P270 P273 P280 P302+P352 P304+P340 P305+P351+P338 P314 P390 P391 P501	Tránh xa khỏi tầm với của trẻ em. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Tránh thải ra môi trường Mang găng tay bảo vệ/quần áo nếu dính trên da: rửa nhiều với xà phòng và nước. nếu hít phải: di chuyển đến nơi không khí trong lành và giữ ở vị trí thoải mái để thở nếu dính vào mắt: rửa sạch thận trọng với nước trong nhiều phút, bỏ kính sát trùng (nếu có và tháo dễ dàng) và tiếp tục rửa. gặp nhân viên y tế/chú ý nếu bạn thấy không khỏe dùng vật liệu hấp thụ để ngăn chặn thiệt hại vật liệu bị đổ Thu dọn khi chảy tràn. Vứt bỏ các thùng chứa chất thải đã được phê duyệt xử lý nhà máy.
-------------------	--	--

Ghi chú : Phân loại sử dụng tất cả các lớp nguy hiểm GHS và chuyên mục. Trường hợp GHS chứa các tùy chọn, tùy chọn bảo thủ nhất được chọn.
Triển khai thực hiện khu vực hoặc quốc gia của GHS có thể không thực hiện tất cả loại nguy hiểm và chuyên mục.

- Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn: • paraquat dichloride

MỤC 16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin

Văn bản đầy đủ của nhóm từ R được gọi theo các mục 3:

R10	Dễ cháy
R20/21/22	Có hại khi nuốt phải, hít phải và tiếp xúc với da.
R22	Độc khi nuốt phải.
R24/25	Độc khi tiếp xúc với da và nuốt.
R25	độc nếu nuốt phải
R26	rất độc nếu hít phải
R36/37/38	nhạy cảm cho mắt, hệ hô hấp và da.
R38	kích ứng cho da
R41	độc hại: nguy hiểm gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.
R48/25	độc:nguy hiểm gây tổn hại nghiêm trọng cho sức khỏe do tiếp xúc lâu dài nếu nuốt phải.
R50/53	Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ra tác dụng phụ lâu dài trong môi trường thủy sinh.

MATCH 050EC

Phiên bản 8

Ngày cập nhật: 11.12.2013

Các thông tin được cung cấp trên Bảng dữ liệu an toàn là chính xác tốt nhất của thông tin, kiến thức của chúng tôi và niềm tin ở ngày đăng Công báo. Các thông tin cung cấp được thiết kế chỉ như là một hướng dẫn để xử lý an toàn, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, xử lý, phát hành và không được xem xét bảo hành chất lượng đặc điểm kỹ thuật. Thông tin chỉ liên quan đến vật chất cụ thể và có thể không có giá trị vật, được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quá trình, trừ trường hợp quy định tại văn bản.

Thay đổi kể từ khi phiên bản cuối cùng được đánh dấu ở bên lề. Phiên bản này thay thế tất cả các phiên bản trước đó.

Tên sản phẩm là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Tập đoàn Syngenta.
